THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tăng một mạch về ngưỡng 1,280 trước khi bị áp lực chốt lời tại đây đẩy xuống đóng cửa tại mốc 1,274.04 điểm, tăng gần 14 điểm so với phiên hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 15/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Truyền thông tiếp tục đà tăng mạnh mẽ hơn 5%. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX và bán ròng nhẹ trên sàn HNX. Áp lực chốt lời tại ngưỡng 1,280 khá lớn; nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng trong những phiên tới khi chỉ số giao dịch quanh ngưỡng kháng cự cũ.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 25/12/2024, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

• VN-Index +13.68 điểm, đóng cửa tại 1274.04 điểm. HNX-Index +1.45 điểm, đóng cửa tại 229.81 điểm.
• Kéo chỉ số tăng: CTG (+2.74), TCB (+0.79), BID (+0.77), STB (+0.74), MBB (+0.72).
• Kéo chỉ số giảm: HVN (-0.59), HAG (-0.06), DBD (-0.05), EIB (-0.04), VPI (-0.04).
• Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 16,461 tỷ đồng, tăng 36.51% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 18,793 tỷ đồng.
• Biên độ dao động: 21.22 điểm. Thị trường có 326 mã tăng, 53 mã tham chiếu, 92 mã giảm.
• Giá trị mua ròng của khối ngoại: 44.80 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm SSI (59.86 tỷ), MWG (39.15 tỷ), STB (33.27 tỷ), KDH (26.83 tỷ), CTR (25.11 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị -13.92 tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

• BSC30 +0.03%. Các mã diễn biến tích cực: CTR (+2.04%), DGC (+1.72%), VHC (+1.09%).
• BSC50 -0.03%. Các mã diễn biến tích cực: CSV (+5.56%), PTB (+3.28%), PVT (+3.26%).

Hiệu suất các chỉ số (Cập nhật đến ngày 24/12)

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.03%	-0.03%	-0.19%	0.02%
1 tuần	-0.58%	0.14%	0.08%	-0.35%
1 tháng	-1.04%	-1.43%	-0.81%	-0.62%
3 tháng	-1.39%	0.28%	-0.04%	2.34%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,274.04	229.81	94.59
% 1D	1.09%	0.63%	0.61%
GTGD (tỷ VND)	16,461	1,110	869
%1D	36.51%	11.11%	-1.63%
GDNN (tỷ VND)	44.80	-13.92	-11.87

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
SSI	59.86	BID	-70.02
MWG	39.15	NLG	-47.32
STB	33.27	VRE	-41.83
KDH	26.83	VCB	-40.51
CTR	25.11	HPG	-40.49

Thị trường thế giới

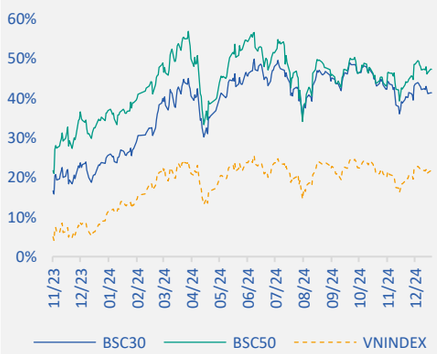
		%D	%W
SPX	6,040	1.10%	-0.18%
FTSE100	8,137	0.42%	-0.71%
Eurostoxx	4,860	0.66%	-1.84%
Shanghai	3,393	-0.01%	0.32%
Nikkei	39,037	-0.35%	-0.95%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	73.17	1.18%
Giá vàng	2,620	
Tỷ giá		
USD/VND	25,523	-0.03%
EUR/VND	27,206	-0.28%
JPY/VND	165	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.1%	-0.02%
LS LNH 1M	5.2%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



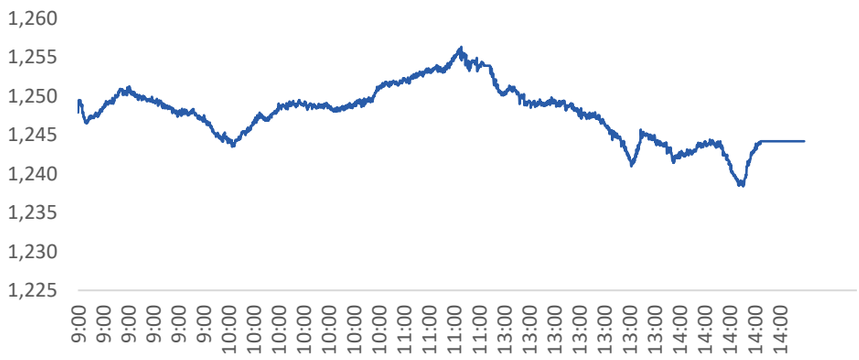
Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2501	1350.10	1.66%	214,617	65.75%	1/16/2025	22
VN30F2502	1353.00	1.71%	309	81.76%	2/20/2025	57
VN30F2503	1358.40	2.02%	205	97.12%	3/20/2025	85
VN30F2506	1355.50	1.53%	112	115.38%	6/19/2025	176

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
STB	36.25	4.47%	3.00
TCB	24.45	1.88%	2.06
ACB	25.45	1.80%	1.81
CTG	38.20	5.52%	1.67
MBB	24.45	2.30%	1.60

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
PLX	38.60	0.39%	0.02
GAS	68.40	0.29%	0.02
SAB	57.40	0.35%	0.03
POW	12.15	0.83%	0.05
VIC	40.65	0.12%	0.05

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định

• VN30 +19.21 điểm, đóng cửa tại 1342.48 điểm. Biên độ dao động 26.74 điểm. Các cổ phiếu như STB, TCB, ACB, CTG, MBB tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.

• VN30 tăng hơn 19 điểm trong phiên giao dịch ngày hôm nay. Thị trường không có thêm thông tin gì đặc biệt, nhưng tâm lý nhà đầu tư lại cực kỳ hưng phấn kéo thanh khoản thị trường bùng nổ sau chuỗi ngày ảm đạm. Chiến lược lúc này là Long/Short linh hoạt với phái sinh.

• Các HĐTL đều tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều tăng. Xét về vị thế mở, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2503.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CSTB2404	3/6/2025	71	534,400	-74.34%	3.10	1,550	29.2%	8.29	9.30	36.25	36.25
CSTB2404	3/6/2025	71	534,400	-74.34%	3.10	1,550	29.2%	8.29	9.30	36.25	36.25
CSTB2402	5/21/2025	147	2,172,200	-71.03%	3.00	2,500	23.8%	11.10	10.50	36.25	36.25
CTCB2403	11/4/2025	314	1,158,100	-71.37%	2.60	880	14.3%	4.39	7.00	24.45	24.45
CSTB2411	5/14/2025	140	40,000	-72.08%	3.40	1,680	7.7%	8.23	10.12	36.25	36.25
CVIB2407	11/4/2025	314	164,900	-71.98%	1.80	1,790	7.2%	8.74	5.38	19.20	19.20
CVRE2407	11/4/2025	314	1,006,200	-71.45%	1.60	1,670	6.4%	7.88	4.94	17.30	17.30
CMBB2315	1/9/2025	15	821,400	-71.83%	1.96	1,260	5.9%	5.75	6.89	24.45	24.45
CTCB2404	8/14/2025	232	800	-67.48%	2.50	1,090	5.8%	4.40	7.95	24.45	24.45
CHPG2406	10/28/2025	307	50,000	-72.74%	2.80	1,150	5.5%	6.11	7.40	27.15	27.15
CVIB2408	5/14/2025	140	10,300	-69.43%	1.95	980	5.4%	4.32	5.87	19.20	19.20
CVPB2410	8/14/2025	232	9,400	-72.50%	2.10	1,060	5.0%	5.72	5.28	19.20	19.20
CHPG2410	8/14/2025	232	1,100	-72.30%	2.80	1,180	4.4%	6.11	7.52	27.15	27.15
CHPG2409	11/4/2025	314	416,900	-70.24%	2.50	1,860	3.9%	8.25	8.08	27.15	27.15
CFPT2402	7/28/2025	215	22,900	-69.43%	13.50	8,150	3.3%	34.42	46.10	150.80	150.80
CFPT2314	1/9/2025	15	153,800	-50.41%	8.64	7,660	2.5%	16.47	74.78	150.80	150.80
CVHM2408	11/4/2025	314	152,300	-69.85%	3.80	2,110	1.9%	9.24	12.24	40.60	40.60
CFPT2405	8/14/2025	232	4,900	-66.48%	13.41	3,740	1.1%	13.88	50.55	150.80	150.80
CFPT2404	11/4/2025	314	314,500	-55.48%	12.02	3,700	0.0%	9.35	67.13	150.80	150.80
CFPT2403	4/28/2025	124	42,900	-72.21%	13.50	7,100	0.0%	34.38	41.90	150.80	150.80

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

• Trong phiên giao dịch ngày 25/12/2024, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

• CSTB2328 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 75.00%. CSTB2402 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 10.10%.

• CFPT2314, CFPT2404, CFPT2405, CTCB2404, và CVIB2408 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2402, CFPT2403, CFPT2314, CSTB2333, và CMSN2404 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CTG	38.20	5.52%	2.74	5.37
TCB	24.45	1.88%	0.79	7.06
BID	38.65	1.44%	0.77	5.70
STB	36.25	4.47%	0.74	1.89
MBB	24.45	2.30%	0.72	5.31

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HVN	28.65	-3.86%	-0.59	2.21
HAG	12.50	-1.96%	-0.06	1.06
DBD	58.30	-3.95%	-0.05	0.09
EIB	19.50	-0.51%	-0.04	1.86
VPI	59.00	-0.84%	-0.04	0.32

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	118.50	9.93%	1.54	0.20
DTK	12.90	8.40%	0.48	0.68
MBS	29.00	2.47%	0.27	0.57
HUT	16.20	2.53%	0.24	0.89
PVI	61.50	1.99%	0.19	0.23

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NTP	65.30	-1.95%	-0.11	0.13
PTI	33.70	-3.71%	-0.07	0.08
VNT	31.40	-9.25%	-0.03	0.02
HTC	27.90	-10.00%	-0.03	0.02
LAS	22.30	-1.76%	-0.03	0.11

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MSH	47.50	6.98%	0.06	0.50
HHV	10.75	6.97%	0.08	9.46
BMC	21.60	6.93%	0.00	0.44
VRC	8.81	6.92%	0.01	0.15
STG	43.95	6.80%	0.07	0.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HVN	10.00	-6.98%	-0.01	1.92
HAG	10.75	-6.93%	-0.19	35.41
HHS	8.61	-6.92%	-0.05	3.41
NHA	23.55	-6.92%	-0.02	1.42
DXV	4.59	-6.90%	0.00	0.01

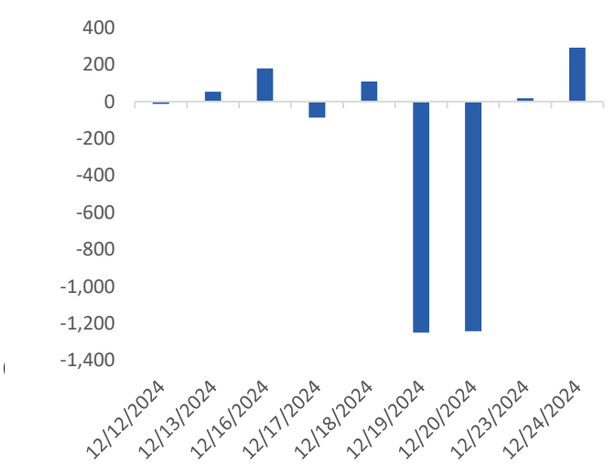
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BPC	14.40	9.92%	0.01	0.03
DTC	8.90	9.88%	0.01	0.00
HTC	5.60	9.80%	0.02	0.06
PIA	23.90	9.63%	0.14	0.00
PCT	34.00	8.97%	0.05	0.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

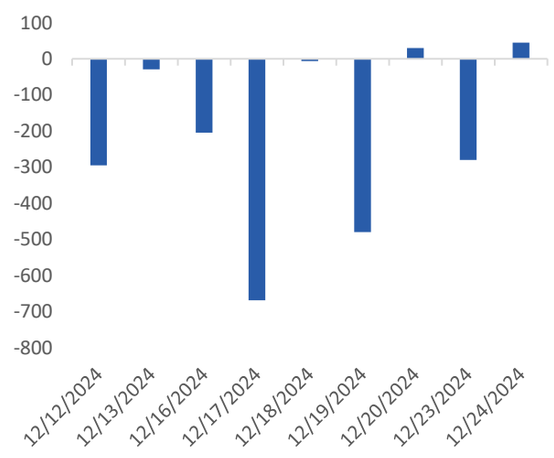
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DAE	12.80	-9.86%	-0.01	0.00
HMR	21.10	-9.83%	-0.04	0.20
CMS	18.40	-9.80%	-0.17	0.61
TXM	6.50	-9.72%	-0.02	0.04
MCO	12.20	-9.63%	-0.02	0.05

Hình 1
Giao dịch tự doanh



Nguồn: FiinProX, BSC Research

Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo báo
VCB	Ngân hàng	92.4	0.30%	0.7	20,300	6.6	6,194	14.9	-	23.1%	Link
BID	Ngân hàng	38.6	1.40%	1.4	10,479	8.0	4,106	9.4	-	14.0%	Link
VPB	Ngân hàng	19.2	1.30%	1.0	5,988	11.2	1,663	11.5	-	25.1%	Link
TCB	Ngân hàng	24.4	1.90%	1.3	6,790	17.7	3,207	7.6	-	22.4%	Link
MBB	Ngân hàng	24.4	2.30%	1.2	5,100	14.2	4,021	6.1	26,600	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	36.2	4.50%	1.4	2,686	34.7	4,640	7.8	-	23.4%	Link
CTG	Ngân hàng	38.2	5.50%	1.6	8,063	37.8	4,035	9.5	-	297.0%	Link
ACB	Ngân hàng	25.4	1.80%	0.9	4,468	9.5	3,638	7.0	-	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	26.6	2.30%	1.5	2,048	27.4	1,490	17.8		32.4%	Link
IDC	Xây dựng	56.3	0.50%	1.1	730	1.5	6,634	8.5	65,700	22.6%	Link
HPG	Xây dựng	27.2	1.70%	1.0	6,826	18.3	1,905	14.3	41,500	21.7%	Link
HSG	VLXD	19.0	1.60%	1.5	463	4.3	828	22.9	25,300	9.5%	Link
VHM	BĐS	40.6	0.60%	0.7	6,555	5.7	4,700	8.6	108,300	14.5%	Link
KDH	BĐS	35.9	-0.10%	1.1	1,427	3.2	522	68.8	44,500	37.0%	Link
NLG	BĐS	36.3	1.70%	1.3	549	4.2	793	45.8	-	46.1%	Link
DGC	Hóa chất	119.0	0.40%	1.4	1,776	9.9	7,791	15.3	115,000	18.0%	Link
DCM	Phân bón	36.6	-0.40%	0.9	763	3.4	2,917	12.6	38,700	6.1%	Link
GAS	Dầu khí	68.4	0.30%	0.5	6,299	1.2	4,728	14.5	-	1.8%	Link
PVS	Dầu khí	34.0	0.90%	1.1	639	3.3	1,919	17.7	57,000	19.6%	Link
PVD	Dầu khí	24.0	1.50%	1.4	523	3.3	1,211	19.8	38,400	10.2%	Link
POW	Dầu khí	12.2	0.80%	0.6	1,118	2.2	597	20.4	17,100	3.8%	Link
VHC	Thủy sản	73.6	-0.50%	1.2	649	2.0	3,814	19.3	108,500	28.5%	Link
GMD	Logistics	66.8	1.70%	0.7	1,087	2.6	4,315	15.5	90,400	36.5%	Link
VNM	Bán lẻ	64.4	0.20%	0.4	5,291	3.3	4,591	14.0	93,100	51.7%	Link
MSN	Bán lẻ	70.7	0.70%	1.0	4,205	10.3	898	78.8	110,000	23.9%	Link
MWG	Bán lẻ	62.2	1.50%	1.1	3,574	15.4	2,028	30.7	-	46.1%	Link
PNJ	Bán lẻ	97.6	0.40%	1.1	1,296	1.9	5,960	16.4	118,000	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	41.4	-0.10%	1.8	356	2.3	1,809	22.9	66,600	20.0%	Link
FPT	Bán lẻ	150.8	0.30%	1.1	8,720	14.9	5,129	29.4	107,900	45.5%	Link
CTR	Hạ tầng	125.9	0.70%	1.5	566	5.0	4,640	27.1	-	10.1%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
HDB	Ngân hàng	23.9	2.10%	1.1	3,284	9.6	4,461	5.4	1.4	14.1%	27.8%
VIB	Ngân hàng	19.2	0.80%	1.1	2,248	11.6	2,412	8.0	1.4	5.0%	21.4%
TPB	Ngân hàng	16.4	2.20%	1.4	1,703	9.4	1,840	8.9	1.2	30.0%	14.2%
MSB	Ngân hàng	11.5	1.30%	1.1	1,175	4.7	1,687	6.8	0.8	27.5%	14.9%
EIB	Ngân hàng	19.5	-0.50%	0.7	1,428	3.7	1,447	13.5	1.5	2.5%	9.9%
HCM	Chứng khoán	29.5	2.10%	1.8	835	11.7	1,409	20.9	2.1	44.7%	10.6%
VCI	Chứng khoán	34.1	1.20%	1.6	962	6.8	1,419	24.0	2.3	5.2%	9.6%
VND	Chứng khoán	13.0	2.00%	1.5	778	4.6	1,503	8.7	1.0	12.1%	15.0%
BSI	Chứng khoán	48.9	1.90%	2.0	429	1.5	1,732	28.2	2.2	40.7%	9.3%
SHS	Chứng khoán	13.1	1.60%	1.7	419	4.4	1,178	11.1	1.0	3.1%	10.5%
CTD	Xây dựng	68.8	3.80%	1.4	270	6.7	3,361	20.5	0.8	49.0%	3.6%
HHV	Xây dựng	11.7	6.80%	1.4	199	6.5	835	14.0	0.6	8.4%	4.4%
LCG	Xây dựng	10.5	5.10%	1.4	80	2.8	825	12.7	0.8	2.0%	5.7%
SZC	BĐS KCN	43.5	0.00%	1.0	308	3.0	1,572	27.7	2.6	2.4%	12.1%
SIP	BĐS KCN	85.4	1.10%	1.3	707	2.8	5,635	15.2	4.3	4.9%	29.0%
PHR	BĐS KCN	53.9	0.60%	0.9	287	0.4	2,858	18.9	1.9	18.0%	12.1%
DIG	BĐS	19.2	0.00%	1.6	460	3.0	135	142.5	1.5	4.3%	1.1%
CEO	BĐS	13.6	0.70%	1.8	289	1.7	316	43.1	1.2	4.5%	2.1%
KBC	BĐS KCN	28.2	2.00%	1.4	849	4.2	549	51.2	1.2	18.8%	1.7%
VGC	BĐS KCN	45.2	0.80%	1.2	798	3.3	1,312	34.5	2.4	3.4%	8.2%
GVR	BĐS KCN	31.1	1.30%	1.6	4,890	2.6	851	36.5	2.4	0.3%	6.5%
NKG	VLXD	15.0	1.00%	1.6	263	3.1	1,736	8.6	0.7	4.4%	7.4%
BMP	VLXD	137.5	1.70%	1.1	442	1.8	12,420	11.1	3.8	84.2%	34.6%
IJC	BĐS	14.2	2.50%	1.2	211	2.2	729	19.5	1.1	4.8%	6.0%
DXG	BĐS	16.3	-0.90%	1.5	462	23.1	197	82.7	1.1	19.1%	1.9%
VRE	BĐS	17.3	1.50%	1.2	1,545	6.4	1,795	9.6	1.0	19.4%	11.9%
PDR	BĐS	20.4	1.20%	1.7	702	4.7	500	40.9	1.6	7.0%	5.0%
DIG	BĐS	19.2	0.00%	1.6	460	3.0	135	142.5	1.5	4.3%	1.1%
HUT	Xây dựng	16.2	2.50%	0.7	568	1.7	75	215.5	1.7	1.5%	1.7%
C4G	Xây dựng	8.2	5.10%	1.0	-	0.5	573	14.3	0.8	0.0%	4.8%
CSV	Hóa chất	46.6	-1.90%	1.5	202	5.7	2,122	22.0	3.5	3.3%	15.2%
DHC	Hóa chất	38.8	1.40%	1.0	123	2.1	3,330	11.7	1.6	40.6%	13.3%
DRC	Cao su	29.7	-1.50%	0.9	139	0.8	2,259	13.1	1.8	9.1%	16.5%
PC1	Tiện ích	23.2	2.20%	1.1	327	2.6	1,511	15.4	1.3	6.6%	6.1%
HDG	Tiện ích	29.9	-0.30%	1.3	395	4.7	2,116	14.1	1.6	20.5%	11.8%
GEX	Tiện ích	19.4	0.30%	1.4	654	2.8	1,207	16.0	1.2	5.7%	7.0%
QTP	Tiện ích	14.6	0.00%	0.5	-	0.2	1,500	9.7	1.2	0.9%	11.2%
PLX	Dầu khí	38.6	0.40%	0.7	1,928	1.1	2,350	16.4	1.9	17.5%	13.8%
BSR	Dầu khí	22.4	0.40%	1.1	-	2.6	966	23.2	1.2	0.0%	13.4%
PLC	Dầu khí	22.8	9.60%	1.2	72	0.4	611	37.3	1.5	0.4%	4.7%
ANV	Thủy sản	20.5	0.50%	1.2	215	1.2	315	65.0	1.0	0.0%	1.2%
PTB	VLXD	66.2	0.00%	1.1	174	0.5	4,944	13.4	1.6	23.6%	11.9%
VSC	Logistics	16.2	0.30%	1.1	183	3.2	737	22.0	1.1	2.4%	7.3%
HAH	Logistics	49.9	-1.80%	0.9	238	4.6	3,571	14.0	2.0	13.9%	10.6%
DBC	Bán lẻ	28.6	-1.00%	1.6	376	7.0	1,604	17.8	1.5	8.3%	5.0%
FRT	Bán lẻ	183.5	0.50%	0.8	983	2.0	775	236.9	13.8	36.7%	11.8%
QNS	Bán lẻ	51.2	0.80%	0.5	-	0.5	6,553	7.8	2.0	12.0%	28.7%
TNG	Dệt may	26.3	-0.80%	1.1	127	2.5	2,427	10.8	1.7	17.4%	14.7%
PVT	Logistics	28.2	-1.10%	1.0	395	2.3	3,130	9.0	1.3	12.6%	14.2%
DPM	Phân bón	35.4	-0.40%	1.0	544	3.5	1,700	20.8	1.3	8.8%	5.5%
REE	Tiện ích	68.7	1.80%	0.9	1,272	2.9	3,860	17.8	1.8	49.0%	10.0%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
2	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
3	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
4	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
5	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
6	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
7	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
8	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
9	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
10	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
14	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
15	Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2024		x	Click
16	Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2024		x	Click
17	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
18	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
19	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
20	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
22	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán.

Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này.

Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Phòng Phân tích nghiên cứu

Trần Thăng Long

Trưởng phòng Phân tích nghiên cứu

longtt@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Bùi Nguyên Khoa

Trưởng nhóm phân tích Vĩ mô - thị trường

khoabn@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

tungtt@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhng@bsc.com.vn

Thông tin liên hệ

Website

http://www.bsc.com.vn

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84) 2439264 659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(024) 39264 660